

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 16/2023/HS-ST

Ngày 28-03-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Điền;

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 02 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm T, sinh ngày 19/3/1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Hồng U, sinh năm 1950 (chết) và bà Phạm Thị I, sinh năm 1951; gia đình có 04 anh, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Từ ngày 07/9/2022 đến ngày 18/9/2022 hủy bỏ biện pháp Tạm giữ; tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trương Thị L, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt);

2. Phan Thị N, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

3. Nguyễn N1, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

4. Nguyễn L1, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

5. Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm 3, phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị K, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

7. Phan L2, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt);

8. Nguyễn L3, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt);

9. Nguyễn V, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt);

10. Phan Đ, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm F, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

11. **Dương Thị B**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

12. Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp 2, xã J, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

13. Nguyễn R, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm P, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

14. Đoàn Thanh G, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm 17, xã W, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số 116, đường Trần Phú, khóm X A, phường Ô, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 10 phút, ngày 07/9/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma Ty Công an thành phố H phối hợp cùng Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp phát hiện Phạm T đang thu tiền vay của bà Nguyễn L1 tại khóm 3, phường X, thành phố H có dấu hiệu cho vay lãi nặng nên tiến hành lập biên bản bắt giữ.

Quá trình điều tra, Phạm T khai nhận: Do tìm hiểu và biết được nhu cầu cần tiền phục vụ sinh hoạt, buôn bán nhỏ của một số người dân trên địa bàn thành phố H nhưng đang gặp khó khăn về tài chính nên Phạm T đã nảy sinh ý định cho vay với lãi suất cao (lãi nặng) nhằm thu lợi bất chính. Với cách thức phát các tờ rơi quảng cáo ghi dòng chữ “CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP GỌI LÀ CÓ 0902115639” rải trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, mục đích cho người cần vay tiền xem biết thông tin. Người vay chỉ cần cung cấp giấy tờ tùy thân, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy phép lái xe, số điện thoại và trực tiếp giao dịch vay nhận tiền từ Phạm T. Người vay tiền phải chấp nhận các quy tắc vay do Phạm T đặt ra với số tiền vay từ 1.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày đến 31 ngày, mỗi

ngày từ 50.000 đồng đến 400.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và lãi). Ngoài ra, T còn cho vay góp tiền lãi, không thu vốn gốc, mức cho vay từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, mỗi ngày phải góp lãi từ 40.000 đồng đến 50.000 đồng, sau khi giao nhận tiền vay thì T thu tiền góp trước 01 ngày. Với cách thức và thủ đoạn như trên trong khoảng thời gian từ tháng 04/2021 đến ngày 07/9/2022, T đã cho 13 người vay với tổng số tiền cho vay là 213.400.000 đồng lãi suất từ 284%/năm đến 365%/năm; đối với những khoản cho vay góp ngày, vừa tiền lãi cộng tiền gốc và lãi suất 429%/năm; đối với khoản vay tiền “đứng” hàng ngày chỉ góp tiền lãi, nợ gốc giữ B, mức lãi xuất cho vay gấp 11,15 đến 15,2 lần mức lãi suất pháp luật cho phép (20%/năm) thu lợi bất chính của 13 người vay với tổng số tiền lãi là 46.058.710 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 2.551.233 đồng và thu lợi bất chính là 43.507.477 đồng. Cụ thể những người vay như sau:

1/ Bà Trương Thị L, sinh năm 1989, ngụ khóm 3, phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 5.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 4.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 100.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 5.479 đồng và thu lợi bất chính là 94.521 đồng;

2/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1977, ngụ khóm 3, phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 18.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 5.760.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 3.060.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 167.671 đồng và thu lợi bất chính là 2.892.329 đồng;

3/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977, ngụ khóm Sở Thượng, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 8.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 2.880.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 1.280.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 70.137 đồng và thu lợi bất chính là 1.209.863 đồng;

4/ Bà Phan Đ, sinh năm 1970, ngụ khóm Sở Thượng, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 11.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 760.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 2.560.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 140.275 đồng và thu lợi bất chính là 2.419.725 đồng;

Vay tiền đứng 3.400.000 đồng lãi 40.000 đồng/ngày, còn nợ tiền vốn vay gốc là 3.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi 2.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 111.781 đồng và thu lợi bất chính là 2.288.219 đồng;

5/ Bà Phan L2, sinh năm 1959, ngụ khóm Sở Thượng, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 15.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 2.520.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 3.120.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 170.959 đồng và thu lợi bất chính là 2.949.041 đồng;

6/ Bà Nguyễn R, sinh năm 1972, ngụ khóm Trà Đư, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 18.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 3.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 3.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 197.261 đồng và thu lợi bất chính là 3.402.739 đồng;

7/ Dương Thị B, sinh năm 1975, ngụ ấp 2, xã Thường Lạc, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 48.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 5.520.00 đồng. Tổng số tiền lãi là 10.620.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 581.917 đồng và thu lợi bất chính là 10.038.083 đồng;

Vay tiền đứng 5.000.000 đồng lãi 50.000 đồng/ngày, còn nợ tiền vốn vay gốc là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi 3.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 208.219 đồng và thu lợi bất chính là 3.591.781 đồng;

8/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978, ngụ ấp 2, xã Thường Lạc, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 10.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 2.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 98.630 đồng và thu lợi bất chính là 1.901.370 đồng;

9/ Bà Nguyễn N1, sinh năm 1980, ngụ khóm 3, phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 9.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 2.880.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 1.480.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 100.274 đồng và thu lợi bất chính là 1.379.726 đồng.

10/ Ông Nguyễn L3, sinh năm 1972, ngụ khóm Sở Thượng, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 5.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 3.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 350.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 19.178 đồng và thu lợi bất chính là 330.822 đồng.

11/ Bà Nguyễn L1, sinh năm 1978, ngụ khóm 3, phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 13.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 3.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 131.507 đồng và thu lợi bất chính là 2.268.493 đồng.

12/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 ngụ khóm 3, phường An Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 15.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 4.838.700 đồng. Tổng số tiền lãi là 2.438.710 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 172.604 đồng và thu lợi bất chính là 2.266.106 đồng.

13/ Ông Nguyễn V, sinh năm 1986, ngụ khóm Sở Thượng, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Vay 30.000.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay gốc là 2.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 6.850.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định là 375.342 đồng và thu lợi bất chính là 6.474.658 đồng.

Ngoài ra quá trình điều tra còn chứng minh được khoản tiền Phạm T cho 13 người nêu trên vay với lãi suất cao nhưng chưa thanh toán đủ số ngày góp và còn nợ lại của T số tiền là 54.158.700 đồng.

- Vật chứng và đồ vật, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng gold, đã qua sử dụng;
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng;
- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu hồng đen, đã qua sử dụng;
- + 01 (một) cái ví (bóp), màu đen;
- + 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng Techcombank mang tên PHAM QUANG TU, số thẻ 4221.4986.6898.9206;
- + 01 (một) thẻ căn cước công dân số 037087005836 mang tên Phạm T, ngày cấp 07/11/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;
- + 01 (một) thẻ căn cước công dân số 087189008124 mang tên Trương Thị L, sinh ngày 01/01/1989, nơi thường trú: khóm 3, phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 10/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;
- + 01 (một) giấy vay tiền ghi tên người vay Trương Thị L, sinh năm 1989, số tiền vay 5.000.000 đồng;
- + 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040696, có tên chủ xe Phạm T, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 35K1-217.43, ngày cấp 05/11/2019, nơi cấp: Công an huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037000, có tên chủ xe Hồ Văn Hai, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 64B1-732.77, ngày cấp 07/9/2016, nơi cấp: Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Long;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64B1-732.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, màu đỏ - đen, số máy: 1DB1231168, số khung: DB10EY231166, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 35K1-21743, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

+ 01 (một) cái Ti đựng bằng vải màu xanh đen, có dây đeo, bên trong Ti có chứa: 01 (một) cây dao bằng kim loại có chiều dài 78cm, cán bằng gỗ màu đen, vỏ dao bằng gỗ màu đen có hoa văn hình rồng màu vàng, quấn kim loại màu vàng và 01 (một) cây dao bằng kim loại có chiều dài 62cm, trên lưỡi dao có nhiều lỗ tròn, cán bằng gỗ màu đen, vỏ dao bằng gỗ màu đen có hoa văn hình rồng màu vàng, quấn kim loại màu vàng;

+ Nhiều thẻ bằng giấy cứng màu xanh, trên thẻ có dòng chữ và số “CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP GỌI LÀ CÓ 0902.115.639, có tổng khối lượng 05kg;

+ 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1980, cư trú: khóm 3, phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

+ 01 (một) giấy vay tiền tên Mao Thị Hoài, sinh năm 1977, cư trú: Ấp Long D, xã Long Khánh A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Mao Thị Hoài;

+ 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn N1, sinh năm 1980, cư trú: phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

+ 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn L1, sinh năm 1978, cư trú: phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

+ 01 (một) giấy vay tiền tên Phan Thị N, sinh năm 1977, cư trú: phường X, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

+ 01 (một) giấy phép lái xe tên Nguyễn L3;

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân tên Hà Văn Phên;

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân tên Phan L2;

+ 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn L3;

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087170008474, mang tên Phan Thị Định;

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 083180013073, mang tên Nguyễn Thị P;

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087178017472, mang tên Nguyễn L1;

- + 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087177017588, mang tên Nguyễn Thị K;
- + 01 (một) thẻ Căn cước công dân số: 087086007788, mang tên Nguyễn V;
- + 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087177008234, mang tên Phan Thị N;
- + Tiền Việt Nam đồng là 3.620.000 đồng;

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và bị cáo Phạm T tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính. Đối với khoản tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay còn nợ lại được cần trừ vào tiền thu lợi bất chính nêu trên.

Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSTPHN ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Phạm T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Phạm T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ B quyết định truy tố bị cáo Phạm T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Phạm T từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với các giấy tờ và các vật gồm: 01 (một) căn cước công dân số 087189008124 mang tên Trương Thị L; 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn L3; 01 (một) Căn cước công dân tên Phan L2; 01 (một) Căn cước công dân số: 087170008474, mang tên Phan Thị Định; 01 (một) Căn cước công dân số: 083180013073, mang tên Nguyễn Thị P; 01 (một) Căn cước công dân số: 087178017472, mang tên Nguyễn L1; 01 (một) Căn cước công dân số: 087177017588, mang tên Nguyễn Thị K; 01 (một) Căn cước công dân số: 087086007788, mang tên Nguyễn V; 01 (một) Căn cước công dân số: 087177008234, mang tên Phan Thị N; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Mao Thị Hoài; 01 (một) căn cước công dân tên Hà Văn Phên;

01 (một) cái Ti đựng bằng vải màu xanh đen, có dây đeo, bên trong Ti có chứa: 01 (một) cây dao bằng kim loại có chiều dài 78cm, cán bằng gỗ màu đen có quấn kim loại màu vàng, vỏ dao bằng gỗ màu đen có hoa văn hình rồng màu vàng, quấn kim loại màu vàng và 01 (một) cây dao bằng kim loại có chiều dài 62cm, trên lưỡi dao có nhiều lỗ tròn, cán bằng gỗ màu đen có quấn kim loại màu vàng, vỏ dao bằng gỗ màu đen có hoa văn hình rồng màu vàng, quấn kim loại màu vàng. Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận là của người thanh niên tên Hậu, không xác định địa chỉ cụ thể, nên đã giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý xác minh làm rõ giải quyết theo quy định của pháp luật do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

- Đối với 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn Thị P; 01 (một) giấy vay tiền tên Mao Thị Hoài; 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn N1; 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn L1; 01 (một) giấy vay tiền tên Phan Thị N; 01 (một) giấy vay tiền ghi tên người vay Trương Thị L. Đây là chứng cứ của vụ án nên đề nghị tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án là phù hợp pháp luật.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu hồng đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng, 01 (một) xe mô tô biển số 64B1-732.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, màu đỏ - đen, số máy: 1DB1231168, số khung: DB10EY231166, đã qua sử dụng (kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037000, có tên chủ xe Hồ Văn Hai, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 64B1-732.77, ngày cấp 07/9/2016, nơi cấp: Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Long), Tiền Việt Nam là 2.120.000 đồng;

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với: Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng gold, đã qua sử dụng, 01 (một) xe mô tô biển số 35K1-217.43, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040696, có tên chủ xe Phạm T, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát số 35K1-217.43, ngày cấp 05/11/2019, nơi cấp: Công an huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình);

- Tịch thu tiêu hủy: 05kg thẻ bằng giấy cứng màu xanh, trên thẻ có dòng chữ và số “CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP GỌI LÀ CÓ 0902.115.639. Đây giấy tờ sử dụng vào mục đích phạm tội;

- Trả lại cho Phạm T: 01 (một) cái ví (bóp), màu đen; 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng Techcombank mang tên PHAM QUANG TU, số thẻ 4221.4986.6898.9206; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 037087005836 mang tên Phạm T, ngày cấp 07/11/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

- Buộc bị cáo Phạm T phải nộp, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước tiền vốn gốc cho vay là 213.400.000 đồng, vì đây là tiền sử dụng vào hành vi phạm tội và số tiền lãi 2.551.233 đồng (tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự), vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội.

- Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay là 43.507.477 đồng, theo quy định của pháp luật thì buộc bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên giữa hai bên tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu giao nộp nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì muốn có được số tiền thu lợi bất chính để tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch

dân sự. Từ tháng 04/2021 đến ngày 07/9/2022, bị cáo T đã cho 13 người vay với tổng số tiền cho vay là 213.400.000 đồng, lãi suất từ 284%/năm đến 365%/năm; đối với những khoản cho vay góp ngày vừa tiền lãi cộng tiền gốc và lãi suất 429%/năm; đối với khoản vay tiền “đứng” hàng ngày chỉ góp tiền lãi, nợ gốc giữ B. Bị cáo T đã thực hiện cho người khác vay tiền với tính chất bóc lột, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, Tng quẫn, nhu cầu của người đi vay để thu lợi bất chính với mức lãi suất cao gấp 11,15 đến 15,2 lần mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm) và thu lợi bất chính của 13 người vay với số tiền lãi tổng cộng là 43.507.477 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phạm T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, Tng quẫn. Bản thân bị cáo mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng với mục đích thu lợi bất chính, tư lợi cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật đã thực hiện hành vi trên. Hiện nay, tình hình “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với tính chất phức tạp. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm mới, trừng trị người phạm tội, giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình

phạt tương xứng với hành vi phạm tội để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo thuộc diện gia đình có công cách mạng (có cha ruột được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất, Huân chương kháng chiến hạng ba). Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo trong lúc lượng hình nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt tiền để phạt bị cáo mức tiền tương ứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, mức hình phạt này đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với các giấy tờ và các vật gồm: 01 (một) căn cước công dân số 087189008124 mang tên Trương Thị L; 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên Nguyễn L3; 01 (một) Căn cước công dân tên Phan L2; 01 (một) Căn cước công dân số: 087170008474, mang tên Phan Thị Định; 01 (một) Căn cước công dân số: 083180013073, mang tên Nguyễn Thị P; 01 (một) Căn cước công dân số: 087178017472, mang tên Nguyễn L1; 01 (một) Căn cước công dân số: 087177017588, mang tên Nguyễn Thị K; 01 (một) Căn cước công dân số: 087086007788, mang tên Nguyễn V; 01 (một) Căn cước công dân số: 087177008234, mang tên Phan Thị N; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Mao Thị Hoài; 01 (một) căn cước công dân tên Hà Văn Phên; 01 (một) cái Tì đựng bằng vải màu xanh đen, có dây đeo, bên trong Tì có chứa: 01 (một) cây dao bằng kim loại có chiều dài 78cm, cán bằng gỗ màu đen có quấn kim

loại màu vàng, vỏ dao bằng gỗ màu đen có hoa văn hình rồng màu vàng, quần kim loại màu vàng và 01 (một) cây dao bằng kim loại có chiều dài 62cm, trên lưỡi dao có nhiều lỗ tròn, cán bằng gỗ màu đen có quần kim loại màu vàng, vỏ dao bằng gỗ màu đen có hoa văn hình rồng màu vàng, quần kim loại màu vàng. Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận là của người thanh niên tên Hậu, không xác định địa chỉ cụ thể, nên đã giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý xác minh làm rõ giải quyết theo quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

- Đối với 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn Thị P; 01 (một) giấy vay tiền tên Mao Thị Hoài; 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn N1; 01 (một) giấy vay tiền tên Nguyễn L1; 01 (một) giấy vay tiền tên Phan Thị N; 01 (một) giấy vay tiền ghi tên người vay Trương Thị L. Đây là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án là phù hợp pháp luật.

- Đối với tiền Việt Nam là 3.620.000 đồng, trong đó có 2.120.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp;

- Đối với số tiền Việt Nam 1.500.000 đồng còn lại và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng gold, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040696, có tên chủ xe Phạm T, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 35K1-217.43, ngày cấp 05/11/2019, nơi cấp: Công an huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; 01 (một) xe mô tô biển số 35K1-21743, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong không liên quan đến hành vi phạm tội, theo quy định pháp luật phải trả lại cho bị cáo Phạm T. Tuy nhiên do bị cáo còn có nghĩa vụ thi hành án nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu hồng đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 64B1-732.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, màu đỏ - đen, số máy: 1DB1231168, số khung: DB10EY231166, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037000, có tên chủ xe Hồ Văn Hai, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 64B1-732.77, ngày cấp 07/9/2016, nơi cấp: Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Long, quá trình điều tra xác định tài sản hợp pháp của bị cáo T là chủ sở hữu, đây là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

- Đối với 05kg thẻ bằng giấy cứng màu xanh, trên thẻ có dòng chữ và số “CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP GỌI LÀ CÓ 0902.115.639”, quá trình điều tra xác định là đồ vật, tài liệu bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) cái ví (bóp), màu đen; 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng Techcombank mang tên PHAM QUANG TU, số thẻ 4221.4986.6898.9206; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 037087005836 mang tên Phạm T, ngày cấp 07/11/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo T, không sử dụng vào mục đích phạm tội, nên trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền vốn mà bị cáo sử dụng để cho vay 213.400.000 đồng, trong đó bị cáo đã thu hồi 159.241.300 đồng và số tiền gốc 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ bị cáo 54.158.700 đồng cùng với số tiền lãi 2.551.233 đồng mà bị cáo thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Xét thấy, số tiền trên là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và là số tiền bị cáo có được từ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

- Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay là 43.507.477 đồng, theo quy định của pháp luật thì buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy giữa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu giao nộp nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, đối với vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, phần tiền thu lợi bất chính này là bị cáo chiếm đoạt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Phạt bị cáo số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[2] Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu hồng đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 64B1-732.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, màu đỏ - đen, số máy: 1DB1231168, số khung: DB10EY231166, đã qua sử dụng (kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037000, có tên chủ xe Hồ Văn Hai, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 64B1-732.77, ngày cấp 07/9/2016, nơi cấp: Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Long); Tiền Việt Nam là 2.120.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng);

- Giao cho Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H tiếp tục tạm giữ các tài sản sau đây để đảm bảo thi hành án đối với Phạm T: Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng gold, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 35K1-217.43, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (kèm theo một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040696, có tên chủ xe Phạm T, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát số 35K1-217.43, ngày cấp 05/11/2019, nơi cấp: Công an huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình);

- Tịch thu tiêu hủy: 05kg thẻ bằng giấy cứng màu xanh, trên thẻ có dòng chữ và số “CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP GỌI LÀ CÓ 0902.115.639”.

- Trả lại cho bị cáo Phạm T: 01 (một) cái ví (bóp), màu đen; 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng Techcombank mang tên PHAM QUANG TU, số thẻ

4221.4986.6898.9206; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 037087005836 mang tên Phạm T, ngày cấp 07/11/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án Dân sự thành phố đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2023)

[3] Buộc bị cáo Phạm T phải nộp lại số gốc tiền dùng để cho vay là 159.241.300 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi một nghìn ba trăm đồng) và số tiền lãi 2.551.233 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[4] Buộc bị cáo Phạm T trả lại số tiền thu lợi bất chính 43.507.477 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng) cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

1. Trương Thị L: 94.521 đồng (Chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng);
2. Phan Thị N: 2.892.329 đồng (Hai triệu tám trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng);
3. Nguyễn Thị K: 1.209.863 đồng (Một triệu hai trăm lẻ chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng);
4. Phan Đ: 4.707.944 đồng (Bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng);
5. Phan L2: 2.949.041 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng);
6. Nguyễn R: 3.402.739 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng);
7. Dương Thị B: 13.629.864 đồng (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng);
8. Nguyễn Văn D: 1.901.370 đồng (Một triệu chín trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng);
9. Nguyễn N1: 1.379.726 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng);
10. Nguyễn L3: 330.822 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng);
11. Nguyễn L1: 2.268.493 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng);
12. Nguyễn Thị P: 2.266.106 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm lẻ sáu đồng);

13. Nguyễn V: 6.474.658 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

[5] Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay nhưng trả cho bị cáo để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Trương Thị L: 4.600.000đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);
2. Phan Thị N: 5.760.000đồng (Năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng);
3. Nguyễn Thị K: 2.880.000đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng);
4. Phan Đ: 4.160.000đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng);
5. Phan L2: 2.520.000đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng);
6. Nguyễn R: 3.600.000đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng);
7. Dương Thị B: 10.520.000đồng (Mười triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng);
8. Nguyễn Văn D: 2.800.000đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng);
9. Nguyễn N1: 2.880.000đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng);
10. Nguyễn L3: 3.600.000đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng);
11. Nguyễn L1: 3.400.000đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng);
12. Nguyễn Thị P: 4.838.700đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm đồng);
13. Nguyễn V: 2.600.000đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống